

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1.1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu

- Tên dự toán: Mua sắm phương tiện chuyên dùng trong nguồn kinh phí bảo đảm TTATGT năm 2024.
- Chủ đầu tư: Cục Cảnh sát giao thông
- Nguồn vốn: Ngân sách nhà nước (Kinh phí bảo đảm TTATGT).
- Tên gói thầu: Mua sắm phương tiện phục vụ công tác dẫn đoàn
- Giá gói thầu: 127.790.000.000 đồng.
- Phạm vi cung cấp: 20 xe ô tô và 20 xe mô tô.
- Thời gian thực hiện gói thầu: Tối đa 210 ngày.

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

1.2.1. Nhà thầu cung cấp các tài liệu sau đây làm căn cứ đánh giá mức độ đáp ứng về kỹ thuật của hàng hóa chào hàng:

a. Các bản cam kết của Nhà thầu gồm:

- Bản cam kết đảm bảo hàng hóa chào thầu đều được sản xuất từ năm 2024 trở về sau, chưa qua sử dụng.
- Bản cam kết về tính xác thực của các tất cả tài liệu thuộc hồ sơ dự thầu và chịu mọi hình thức xử lý vi phạm nếu bị phát hiện có hành vi gian lận theo quy định của Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15, được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15 và Nghị định 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.

b. Tài liệu chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa: theo quy định của E-HSMT.

1.2.2. Yêu cầu về kỹ thuật:

- Thông số kỹ thuật phương tiện:

+ Xe ô tô phục vụ công tác dẫn đoàn:

Stt	Tiêu chí	Thông số kỹ thuật cơ bản
1	Số chỗ ngồi	7 chỗ (kể cả người lái)
2	Kích thước tổng thể (Dài x Rộng x Cao)	(5.000 x 1.950 x 1.950) mm ± 5%
3	Chiều dài cơ sở	2.900 mm ± 5%

Stt	Tiêu chí	Thông số kỹ thuật cơ bản
4	Chiều rộng cơ sở	1.700 mm \pm 5%
5	Động cơ	\geq 4 xy-lanh
6	Công suất tối đa	\geq 400 hp
7	Momen xoắn tối đa	\geq 650/2000-3600 (Nm @ vòng/phút)
8	Hộp số	Tối thiểu tự động 10 cấp
9	Hệ thống treo	- Trước: Tay đòn kép - Sau: Đa điểm
10	Hệ thống phanh	- Trước: Đĩa - Sau: Đĩa
11	Tiện nghi	
11.1	Hệ thống điều hoà	Tối thiểu 4 vùng độc lập
11.2	Màn hình giải trí trung tâm	\geq 12 inch
11.3	Hệ thống dẫn đường	Có
12	Loại nhiên liệu	Xăng
13	Tiêu chuẩn khí thải	Tối thiểu EURO 5
14	Tính năng an toàn	
14.1	Dây đai an toàn	Có
14.2	Túi khí	\geq 10 túi khí
14.3	Hệ thống chống bó cứng phanh	Có
14.4	Hệ thống hỗ trợ lực phanh khẩn cấp	Có
14.5	Hệ thống phân phối lực phanh điện tử	Có
14.6	Hệ thống kiểm soát lực kéo	Có
14.7	Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc	Có
14.8	Camera toàn cảnh	Camera 360°
15	Màu sơn	Trắng

Stt	Tiêu chí	Thông số kỹ thuật cơ bản
16	Bộ thiết bị phụ kiện đi kèm (Phụ kiện tiêu chuẩn theo xe, camera hành trình, phim cách nhiệt 3M, sàn da 6D cao cấp, bơm lốp điện tử, bộ cứu hộ khẩn cấp, ốp chống trầy cốp sau, ốp sườn xe mạ crom, màn hình gô, phủ bóng xe, phủ chống ồn gầm xe)	Có
17	Dán chữ, phù hiệu Cảnh sát giao thông	<p>Có; theo yêu cầu của chủ đầu tư, cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hai bên thành xe có vạch sơn phản quang màu xanh nước biển, ở giữa có dòng chữ “CẢNH SÁT GIAO THÔNG” màu trắng (bằng chất liệu phản quang), có kích thước chữ 10cm x 10cm, nét chữ 03cm, cân đối hai bên thành xe; hai bên cánh cửa phía trước có dòng chữ “TRAFFIC POLICE” màu xanh (bằng chất liệu phản quang), kích thước khổ chữ tối đa bằng hai phần ba khổ chữ “CẢNH SÁT GIAO THÔNG” và hình phù hiệu Cảnh sát giao thông ở giữa hai chữ “TRAFFIC” và “POLICE”.

Stt	Tiêu chí	Thông số kỹ thuật cơ bản
18	Bộ thiết bị phát tín hiệu ưu tiên, cột còi	<p>Có; theo yêu cầu chủ đầu tư, cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bộ phát tín hiệu ưu tiên: Đèn phát tín hiệu ưu tiên (loại 120 cm ± 10%, có 02 màu xanh – đỏ); còi phát tín hiệu ưu tiên,... - Còi hiệu: Còi hình tam giác cân theo yêu cầu; Cán còi cao 50 cm, đường kính cán còi 1,5 cm. - Đáp ứng theo quy định tại Nghị định 151/2024/NĐ-CP ngày 15/11/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ (Điều 17, 18, 19, Phụ lục I).
19	Bảo hành	<ul style="list-style-type: none"> - Xe: Theo tiêu chuẩn của hãng sản xuất. - Phụ kiện đi kèm: Tối thiểu 24 tháng.

+ Xe mô tô có dung tích xi lanh từ 175 cm³ trở lên (phục vụ dẫn đoàn):

Stt	Tiêu chí	Thông số kỹ thuật cơ bản
1	Kích thước (Dài x Rộng x Cao)	(2.600 x 950 x 1.500) mm ± 5%
2	Độ cao yên	740 mm ± 5%
3	Khoảng cách trục bánh xe	1.650 mm ± 5%
4	Khoảng sáng gầm xe	130 mm ± 5%
5	Động cơ	≥ 2 xy-lanh
6	Dung tích xy-lanh	≥ 1.800 cc
7	Hộp số	≥ 6 cấp
8	Nhiên liệu	Xăng
9	Dung tích bình nhiên liệu	≥ 20 lít
10	Màu sơn	Trắng
11	Dán chữ Cảnh sát giao thông	Có; theo yêu cầu của chủ đầu tư, như sau:

Stt	Tiêu chí	Thông số kỹ thuật cơ bản
		Hai bên bình xăng (hoặc ở hai bên sườn hoặc ở hai bên cốp xe) có dòng chữ “C.S.G.T” màu xanh, phản quang; bên dưới có dòng chữ “TRAFFIC POLICE” màu xanh, phản quang, kích thước khổ chữ tối đa bằng hai phần ba khổ chữ “C.S.G.T”.
12	Bộ thiết bị phát tín hiệu ưu tiên, cột cờ	Có; Đèn ưu tiên phía trước (có 02 đèn màu xanh – đỏ), bộ phát tín hiệu ưu tiên, microphone, loa, khung chống đổ, cột cờ; theo yêu cầu chủ đầu tư. Đáp ứng theo quy định tại Nghị định 151/2024/NĐ-CP ngày 15/11/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ (Điều 17, 19, Phụ lục I).
13	Bảo hành	Tối thiểu 24 tháng

- **Các dịch vụ kèm theo:**

Stt	Mô tả dịch vụ	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ
1	Nghiệm thu hàng hóa	Theo yêu cầu của Chủ đầu tư.	180 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
2	Dịch vụ vận chuyển hàng hóa đến địa điểm cung cấp	Tại 02 miền Bắc, Nam theo yêu cầu của Chủ đầu tư.	Trong vòng 07 ngày kể từ nhận được yêu cầu của Chủ đầu tư.
3	Cất giữ, bảo quản hàng hóa tại kho	Tại 02 miền Bắc, Nam theo yêu cầu của Chủ đầu tư.	Cho đến khi tổ chức cấp phát theo yêu cầu của Chủ đầu tư
4	Phối hợp tổ chức cấp phát	Tại 02 miền Bắc, Nam theo yêu cầu của Chủ đầu tư.	Trong vòng 30 ngày kể từ ngày nghiệm thu hàng hoá

- **Tiến độ giao hàng, ngày hoàn thành dịch vụ:** Nhà thầu đề xuất theo yêu cầu tại Mẫu số 10A Chương IV đảm bảo phù hợp với thời gian thực hiện gói thầu.

1.3. Các yêu cầu khác

Các quy định về phương thức và điều kiện thanh toán, tạm ứng; Thời gian và địa điểm bảo hành; Bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh tiền tạm ứng và bảo lãnh bảo hành: Quy định tại E-ĐKCT, Phần 3A, Chương VII.

Mục 2. Bản vẽ: Không có bản vẽ

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

Bên A kiểm tra hồ sơ của lô hàng và kiểm tra thực tế vận hành, tiến hành các bước kiểm tra như sau:

- Bước 1: Tiến hành kiểm tra tài liệu giấy tờ kèm theo để chứng minh tính hợp lệ của hàng hoá.

- Bước 2: Hai bên tiến hành kiểm tra về số lượng, chủng loại, tình trạng, thông số kỹ thuật của hàng hoá theo quy định của hợp đồng.

- Bước 3: Kiểm tra thực tế vận hành (xác suất 10% lô hàng).

Nếu hàng hoá đảm bảo đúng như hợp đồng quy định thì hai bên tiến hành lập biên bản nghiệm thu hàng hoá. Nếu hàng hoá sau khi kiểm tra không đảm bảo theo quy định của hợp đồng, bên A sẽ từ chối nhận hàng, bên B chịu toàn bộ chi phí có liên quan đến lô hàng và chịu phạt theo quy định của hợp đồng.